

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-VLATLĐ
v/v thông tin, hướng dẫn thực hiện quy
định về tổ chức làm thêm
từ trên 200 giờ đến 300 giờ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Ban Quản lý khu công nghệ Cao Hòa Lạc;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019; Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động

Qua công tác tiếp nhận và rà soát các thông báo tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận thấy nhiều trường hợp chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật về tổ chức làm thêm giờ theo đúng quy định.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông tin, tuyên truyền các quy định về việc tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm như sau.

1. Đối tượng áp dụng

- Người lao động, người học nghề, tập nghề theo khoản 1 Điều 2 của Bộ luật Lao động
- Người sử dụng lao động theo khoản 2 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

2. Các trường hợp được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm

Các trường hợp được phép tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ/năm, theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c Khoản 3, Điều 107 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020. Cụ thể các trường hợp sau:

2.1. Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản;

2.2. Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;

2.3. Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời;

2.4. Các trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động;

2.5. Cung ứng dịch vụ công; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;

2.6. Công việc trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc bình thường không quá 44 giờ trong một tuần.

3. Các quy định về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 đến 300 giờ trong một năm

3.1.Được sự đồng ý của người lao động khi làm thêm giờ (theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). Cụ thể:

“1. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động, các trường hợp khác khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải được sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm về các nội dung sau đây:

a) Thời gian làm thêm;

b) Địa điểm làm thêm;

c) Công việc làm thêm.

2. Trường hợp sự đồng ý của người lao động được ký thành văn bản riêng thì tham khảo Mẫu số 01/PLIV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.”

3.2.Giới hạn số giờ làm thêm (theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). Cụ thể:

“1. Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

3. Trường hợp làm việc không trọn thời gian quy định tại Điều 32 của Bộ luật Lao động thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

4. Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần.

5. Thời giờ quy định tại các khoản 1 Điều 58 Nghị định này được giảm trừ khi tính tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm để xác định việc tuân thủ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Lao động.”

4. Quy định về thông báo trước khi tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 đến 300 giờ (theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020)

4.1. Theo Khoản 4, Điều 62 Nghị định 145/2020/NĐ-CP, các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm phải thông báo bằng văn bản đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức làm thêm giờ, thời gian thông báo chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bắt đầu tổ chức làm thêm giờ.

4.2. Nội dung thông báo phải bao gồm: tên doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; lý do tổ chức làm thêm giờ; số lượng người lao động tham gia làm thêm; thời gian tổ chức làm thêm.

4.3. Thông báo phải được thực hiện theo Mẫu số 02/PLIV phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP.

5. Tuân thủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động khi tổ chức làm thêm giờ

5.1. Các đơn vị phải đảm bảo người lao động khi làm thêm giờ được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

5.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong suốt quá trình làm thêm giờ.

5.3. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

6. Đảm bảo chế độ tiền lương làm thêm giờ đúng quy định

6.1. Làm thêm vào ngày thường: Ít nhất 150% tiền lương, theo Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019.

6.2. Làm thêm vào ngày nghỉ hằng tuần: Ít nhất 200% tiền lương, theo Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019.

6.3. Làm thêm vào ngày nghỉ lễ, Tết: Ít nhất 300% tiền lương, theo Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019.

Trên đây là thông tin hướng dẫn về thủ tục thông báo làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Đối với các thông báo làm thêm giờ không phù hợp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ thông tin để đơn vị rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở: Nguyễn Tây Nam;
- Cục thuế TP.Hà Nội;
- Thanh tra Sở;
- Phòng LĐTB&XH các Q,H,TX (để h/dẫn);
- VP Sở (để đăng website Sở);
- Lưu: VT, VLATLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tây Nam